

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN**

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Hội đồng quản trị</b>	<b>2 - 4</b>
<b>3. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>5 - 6</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	<b>7 - 10</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	<b>11</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	<b>12 - 13</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	<b>14 - 41</b>
<b>8. Phụ lục kết quả kinh doanh khu vực cổ phần hóa và khu vực khác</b>	<b>42 - 47</b>

\*\*\*\*\*





**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “nhóm Công ty”).

**Khái quát về Công ty**

Công ty là doanh nghiệp được chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH Một thành viên Kinh doanh Nước sạch Thái Nguyên theo Quyết định số 2691/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2009 về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá và chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên Kinh doanh Nước sạch Thái Nguyên thành Công ty Cổ phần của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4600100109 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên chấp nhận thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 5 lần. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 5 ngày 22 tháng 06 năm 2015 về việc thay đổi thông tin chi nhánh.

**Trụ sở chính:**

- Địa chỉ : Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
- Điện thoại : 0208 3 859 519

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau :

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Xí nghiệp Kinh doanh nước sạch Thái Nguyên	Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Chi nhánh Xí nghiệp nước sạch số 1	Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Chi nhánh Xí nghiệp nước sạch số 2	Tổ 10, phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Chi nhánh Xí nghiệp Xây lắp Công trình	Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Chi nhánh Xí nghiệp nước sạch Trại Cau (*)	Tổ 14, thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên
Chi nhánh Xí nghiệp nước sạch Đại Từ (*)	Xóm Đồng Trũng, xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
Chi nhánh Xí nghiệp nước sạch Võ Nai (*)	Phố Thái Long, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nai, tỉnh Thái Nguyên
Chi nhánh Xí nghiệp nước sạch Điềm Thụy (*)	Xóm Thành Lập, xã Hồng Tiến, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

(\*) Các Xí nghiệp được UBND tỉnh Thái Nguyên giao cho Công ty quản lý, điều hành hoạt động.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là khai thác, xử lý, cung cấp nước và cung cấp dịch vụ xây lắp.



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

## Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Quang Mãi	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Xuân Học	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Bá Quyết	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2020
Ông Lê Quang Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2023

### Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Vũ Khánh Lâm	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2020
Bà Hoàng Thị Huệ	Kiểm soát viên	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Mai	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2022

### Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Xuân Học	Tổng Giám đốc	Ngày 02 tháng 7 năm 2020
Ông Lê Huy Phú	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 04 tháng 10 năm 2023
Ông Nguyễn Bá Quyết	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 29 tháng 5 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 02 năm 2017
Ông Nguyễn Minh Phương	Kế toán trưởng	Ngày 01 tháng 4 năm 2020

### Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quang Mãi - Chủ tịch Hội đồng quản trị (tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2020).

Ông Nguyễn Quang Mãi đã ủy quyền cho Ông Nguyễn Xuân Học – Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy ủy quyền số 27/GUQ-CTCPNS ngày 02 tháng 07 năm 2021.

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của nhóm Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

## Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của nhóm Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Xuân Học

Ngày 30 tháng 03 năm 2024



Số: 2.0382/24/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "nhóm Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2024, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.





**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Không phù nhận kết luận đã nêu, chúng tôi lưu ý người đọc đến các thuyết minh sau đây trong Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất:

(i) Thuyết minh số V.9 về việc Công ty đã ghi nhận tăng tài sản cố định Dự án Phát triển hệ thống cấp nước Thành phố Thái Nguyên theo nguyên giá tạm tính, chưa có phê duyệt quyết toán chính thức. Giá trị công trình có thể thay đổi khi phê duyệt quyết toán chính thức;

(ii) Thuyết minh số V.20a và VII.5 về việc “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” của Công ty tại ngày 31/12/2023 đang bao gồm số lỗ lũy kế của 05 Xi nghiệp thuộc Công ty được UBND tỉnh Thái Nguyên giao nhiệm vụ quản lý và điều hành hoạt động, số tiền 93.822.517.729 VND (số đầu năm là 87.323.570.328 VND). Đến thời điểm phát hành báo cáo này, UBND tỉnh vẫn chưa có chính sách cấp bù hoặc hỗ trợ từ ngân sách đối với khoản lỗ này cho Công ty;

(iii) Thuyết minh số VII.3 về khả năng hoạt động liên tục của nhóm Công ty.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C**

**Chi nhánh Hà Nội**



**Trần Kim Anh** – Thành viên Ban Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 1907-2023-008-1  
Người được ủy quyền  
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2024

**Vũ Tuấn Nghĩa** - Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 4028-2022-008-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>77.552.617.386</b>	<b>105.210.729.213</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>14.511.807.941</b>	<b>14.670.428.619</b>
1. Tiền	111		14.511.807.941	14.670.428.619
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>28.270.139.990</b>	<b>48.248.981.620</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	25.867.528.391	40.472.463.198
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.872.454.667	2.587.942.756
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	11.014.483.883	13.421.694.314
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(10.484.533.557)	(8.258.203.299)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		206.606	25.084.651
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>13.267.267.002</b>	<b>13.212.411.077</b>
1. Hàng tồn kho	141		15.415.308.770	15.284.511.025
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.148.041.768)	(2.072.099.948)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>21.503.402.453</b>	<b>29.078.907.897</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	230.264.406	18.784.663
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		21.270.936.955	29.027.838.098
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	2.201.092	32.285.136
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>785.529.288.515</b>	<b>827.211.539.633</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>690.704.698.834</b>	<b>232.843.706.999</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	689.436.721.302	232.569.522.607
<i>Nguyên giá</i>	222		1.091.149.249.918	586.117.728.517
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(401.712.528.616)	(353.548.205.910)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.267.977.532	274.184.392
<i>Nguyên giá</i>	228		1.824.974.325	553.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(556.996.793)	(278.815.608)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.674.142.582</b>	<b>502.991.708.817</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	1.674.142.582	502.991.708.817
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>84.683.527.306</b>	<b>84.082.784.850</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	84.683.527.306	84.082.784.850
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.466.919.793</b>	<b>7.293.338.967</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	8.466.919.793	7.291.500.591
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	1.838.376
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>863.081.905.901</b>	<b>932.422.268.846</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>645.885.518.690</b>	<b>709.275.894.571</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>179.734.554.403</b>	<b>217.713.306.434</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	82.488.329.960	103.895.793.888
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	2.233.890.261	4.123.281.206
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.175.348.197	4.296.692.816
4. Phải trả người lao động	314		13.818.404.073	13.093.872.139
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	7.796.406.404	4.609.247.543
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	33.409.027.199	34.009.912.650
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	36.647.460.207	51.164.483.437
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	2.165.688.102	2.520.022.755
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>466.150.964.287</b>	<b>491.562.588.137</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	465.550.964.287	491.073.236.575
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.19	600.000.000	489.351.562
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>217.196.387.211</b>	<b>223.146.374.275</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>217.196.387.211</b>	<b>223.146.374.275</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		160.000.000.000	160.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		160.000.000.000	160.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		109.463.185.448	109.205.310.448
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		27.620.205.617	27.620.205.617
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(79.887.003.854)	(73.679.141.790)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(73.679.141.790)	(73.679.141.790)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(6.207.862.064)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>863.081.905.901</b>	<b>932.422.268.846</b>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Minh

Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Phương

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Học



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tô 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	221.592.977.503	188.147.278.304
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		221.592.977.503	188.147.278.304
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	130.441.686.967	110.239.378.758
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		91.151.290.536	77.907.899.546
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	70.558.951	1.575.199.642
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	49.902.037.506	26.396.686.909
Trong đó: chi phí lãi vay	23		37.532.395.934	8.404.541.619
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		600.742.456	363.878.249
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	20.314.672.838	20.157.521.350
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	25.031.551.226	22.109.143.627
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.425.669.627)	11.183.625.551
12. Thu nhập khác	31	VI.7	86.504.629	10.272.303
13. Chi phí khác	32	VI.8	30.933.988	76.814.333
14. Lợi nhuận khác	40		55.570.641	(66.542.030)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(3.370.098.986)	11.117.083.521
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	2.725.276.264	3.731.394.861
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		112.486.814	(110.591.541)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(6.207.862.064)	7.496.280.201
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(6.207.862.064)	7.496.280.201
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(388)	469
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	(388)	469

Người lập biểu

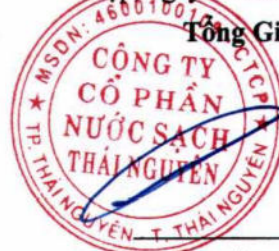
Nguyễn Thị Thanh Minh

Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Phương

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Học



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(3.370.098.986)	11.117.083.521
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	49.095.340.485	30.061.040.699
- Các khoản dự phòng	03	2.302.272.078	(958.064.047)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04 VI.4	11.754.060.989	15.185.104.089
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05 VI.7	(79.639.800)	(1.919.321.399)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	37.532.395.934	8.404.541.619
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	97.234.330.700	61.890.384.482
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	24.828.105.665	49.991.546.356
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(130.797.745)	2.924.087.584
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(18.714.839.099)	(75.229.495.855)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.386.898.945)	(593.653.530)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(34.199.145.785)	(8.430.880.157)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.14	(5.748.433.024)	(664.290.908)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16 V.20	257.875.000	1.500.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.18	(313.680.210)	(664.137.520)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>61.826.516.557</b>	<b>30.723.560.452</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(5.679.420.528)	(232.463.940.033)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	79.639.800	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	40.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	2.478.389.040
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(5.599.780.728)</b>	<b>(189.985.550.993)</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33 V.17	13.165.237.078	254.578.116.729	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.17	(64.958.593.585)	(37.197.694.257)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.592.000.000)	(48.632.887.999)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(56.385.356.507)</b>	<b>168.747.534.473</b>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(158.620.678)</b>	<b>9.485.543.932</b>	
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60 V.1</b>	<b>14.670.428.619</b>	<b>5.075.083.140</b>	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	109.801.547	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70 V.1</b>	<b>14.511.807.941</b>	<b>14.670.428.619</b>	

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Minh

Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Phương

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Học



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh nước sạch.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, xử lý, cung cấp nước và cung cấp dịch vụ xây lắp.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Nhóm Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Giá bán nước sạch khu vực các huyện do UBND tỉnh quyết định thấp hơn giá thành cùng với việc khách hàng sử dụng nước sạch ít nên chưa phát huy hết công suất.

Theo kết quả sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Lợi nhuận sau thuế của nhóm Công ty lỗ 6.207.862.064 VND. Trong đó, Lợi nhuận sau thuế khu vực cổ phần hoá lãi 291.085.337 VND (năm trước lãi 13.660.754.338 VND). Lợi nhuận sau thuế khu vực các huyện được UBND giao quản lý (gồm Xí nghiệp Nước sạch Trại Cau, Xí nghiệp Nước sạch Đại Từ, Xí nghiệp Nước sạch Võ Nhại, Trạm Nước sạch Phú Lương và Xí nghiệp Kinh doanh Nước sạch Điềm Thụy) năm nay lỗ 6.498.947.401 VND (năm trước lỗ 6.164.474.137 VND).

Doanh thu bán nước sạch năm nay tăng khoảng 38,3 tỷ đồng tương ứng với mức tăng 22% so với năm trước là do sản lượng nước sạch năm nay tăng và giá bán nước sạch được điều chỉnh tăng theo Quyết định số 2880/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

#### 6. Cấu trúc Nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

##### 6a. Thông tin về tái cấu trúc Nhóm Công ty

*Mua/thoái đầu tư công ty con*

Trong năm, Nhóm Công ty không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

##### 6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Xây dựng Công trình Nước sạch	Tổ 1 phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Xây dựng công trình kỹ thuật	100%	100%	100%	100%



## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Thái Nguyên						
Công ty TNHH Friend	Tổ 1 phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất và kinh doanh nước đóng chai	100%	100%	100%	100%

#### 6c. *Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu*

Công ty chỉ đầu tư vào 01 Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Doinco Việt Nam có trụ sở chính tại Số 15, ngõ 155/74/20, phố Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là khai thác, xử lý và cung cấp nước. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty liên kết này là 35,91%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

#### 7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 8. **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, có 461 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 457 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Nhóm Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

#### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

002  
NH  
TY  
HỮU  
3 TU  
C  
NỘ  
TP.



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (Ngân hàng Nhóm Công ty xuyên có giao dịch).

#### 4. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

#### 5. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Nhóm Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Nhóm Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Nhóm Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### **7. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của nhóm Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ, đồng hồ đo nước và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

##### **Đồng hồ đo nước**

Đồng hồ đo nước đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 5 năm theo phương án giá bán đã được UBND tỉnh phê duyệt.

##### **Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm

#### **9. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tờ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08-50
Máy móc, thiết bị	05-30
Phương tiện vận tải truyền dẫn	10-30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05-08
Tài sản cố định hữu hình khác	05-06

### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Nhóm Công ty là Chương trình phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 5 đến 8 năm.

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

#### **13. Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### ***Vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### **14. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán nước sạch***

Doanh thu bán nước sạch được ghi nhận căn cứ khối lượng nước sử dụng theo chỉ số trên đồng hồ nước đo được của các khách hàng và biểu giá đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong từng thời kỳ.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Nhóm Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **16. Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

#### **17. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### **18. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **19. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 21. Báo cáo theo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của nhóm Công ty là khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của nhóm Công ty chỉ được thực hiện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà nhóm Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý, và nhóm Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.643.024.379	646.746.866
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.868.783.562	14.023.681.753
<b>Cộng</b>	<b>14.511.807.941</b>	<b>14.670.428.619</b>

#### 2. Đầu tư vào Công ty liên kết

Là khoản đầu tư vào Công ty Công ty Cổ phần Doinco Việt Nam. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Nhóm Công ty nắm giữ 8.350.000 cổ phiếu, tương đương 35,91% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Doinco Việt Nam (không thay đổi so với số đầu năm).

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá gốc	83.500.000.000	83.500.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	1.183.527.306	582.784.850
<b>Cộng</b>	<b>84.683.527.306</b>	<b>84.082.784.850</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tô 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Giá trị phần sở hữu của Nhóm Công ty tại các công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	84.082.784.850	83.718.906.601
Phần lãi hoặc lỗ	600.742.456	363.878.249
<b>Số cuối năm</b>	<b>84.683.527.306</b>	<b>84.082.784.850</b>

*Tình hình hoạt động của các công ty liên kết*

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

*Giao dịch với các công ty liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Nhóm Công ty với các công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty Cổ phần Doinco Việt Nam</b>		
Vay công ty liên kết	-	18.000.000.000
Trả tiền vay cho công ty liên kết	18.000.000.000	-

**Kế hoạch nhận chuyển nhượng công ty liên kết**

Theo Nghị quyết HĐQT số 59/NQ-HĐQT ngày 09 tháng 11 năm 2022, HĐQT quyết định thoái 100% vốn góp tại Công ty Cổ phần Doinco Việt Nam (“Công ty liên kết”) để thu hồi vốn phục vụ các dự án cấp nước. Giá trị thu hồi vốn góp phải cao hơn hoặc bằng giá trị vốn góp ban đầu, sẽ do HĐQT xem xét và quyết định cụ thể. Thời gian thực hiện từ quý IV năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023. HĐQT ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty triển khai thực hiện. Nghị quyết HĐQT số 18/NQ-HĐQT ngày 01 tháng 8 năm 2023, HĐQT đã quyết định gia hạn thời hạn thoái vốn tại Công ty liên kết đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>2.553.471.944</b>	<b>2.553.471.944</b>
Công ty Cổ phần Quốc tế Đông Á Hà Nội	2.553.471.944	2.553.471.944
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>23.314.056.447</b>	<b>37.918.991.254</b>
Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh Môi trường Nông thôn Thái Nguyên	1.714.300.581	4.788.584.216
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cầu đường Việt Nam	2.226.459.000	13.065.278.352
Các khách hàng khác	19.373.296.866	20.065.128.686
<b>Cộng</b>	<b>25.867.528.391</b>	<b>40.472.463.198</b>
Trong đó:		
Các khoản nợ trong hạn	13.533.777.195	29.847.529.013
Các khoản nợ quá hạn	12.333.751.196	10.624.934.185

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Thương mại và Xây lắp Hà Thành	408.445.089	408.445.089
Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Hưng Long	350.000.000	350.000.000
Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC	307.761.120	-
Công ty TNHH Thiện Hải Thái Nguyên	-	933.368.719
Các nhà cung cấp khác	806.248.458	896.128.948
<b>Cộng</b>	<b>1.872.454.667</b>	<b>2.587.942.756</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	5.240.563.358	-	7.100.858.105	-
Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	217.421.471	-	217.537.948	-
Ký cược, ký quỹ	243.496.165	-	259.707.407	-
UBND tỉnh Thái Nguyên - Kinh phí hỗ trợ di chuyển đường ống	3.757.515.421	-	3.757.515.421	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.555.487.468	-	2.086.075.433	-
<b>Cộng</b>	<b>11.014.483.883</b>	<b>-</b>	<b>13.421.694.314</b>	<b>-</b>

**6. Nợ xấu**

Là khoản phải thu khách hàng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Các bên liên quan</i>	<b>2.553.471.944</b>	<b>(1.510.700.144)</b>	<b>467.928.343</b>	<b>(467.928.343)</b>
Công ty Cổ phần Quốc tế Đông Á Hà Nội	2.553.471.944	(1.510.700.144)	467.928.343	(467.928.343)
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>9.780.279.252</b>	<b>(8.973.833.413)</b>	<b>10.157.005.843</b>	<b>(7.790.274.956)</b>
Ban Quản lý Dự án huyện Phú Lương - Công trình Xây dựng Hạ tầng Khu tái định cư xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	1.387.605.000	(1.387.605.000)	1.387.605.000	(1.387.605.000)
Ban Quản lý Dự án tỉnh Thái Nguyên - Gói thầu Di chuyển đường ống nước - Dự án Đầu tư Xây dựng tuyến đường Thái Nguyên - Chợ Mới	323.550.952	(323.550.952)	323.550.952	(323.550.952)
Ban quản lý các dự án đầu tư Xây dựng khu Công nghiệp	769.072.715	(769.072.715)	769.072.715	(720.489.955)
Ban quản lý dự án khu đô thị Hồ Xương Rông - Công ty Cổ phần Sông Đà 2	320.653.079	(320.653.079)	320.653.079	(224.457.155)
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Thái Nguyên	412.121.707	(412.121.707)	412.121.707	(412.121.707)
Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh Môi trường nông thôn Thái Nguyên	1.714.300.581	(907.854.742)	3.284.200.880	(1.280.186.377)
Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Thái Nguyên	1.158.703.105	(1.158.703.105)	1.331.011.296	(1.331.011.296)
Ban Quản lý các công trình xây dựng thị trấn Hùng Sơn	94.207.673	(94.207.673)	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủ Đô	153.494.000	(153.494.000)	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Thái Kim An	308.089.752	(308.089.752)	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cầu đường Việt Nam	2.226.459.000	(2.226.459.000)	2.226.459.000	(2.008.521.300)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	912.021.688	(912.021.688)	102.331.214	(102.331.214)
<b>Cộng</b>	<b>12.333.751.196</b>	<b>(10.484.533.557)</b>	<b>10.624.934.186</b>	<b>(8.258.203.299)</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	8.258.203.299	9.228.713.742
Trích lập dự phòng bổ sung	2.226.330.258	1.580.516.332
Hoàn nhập dự phòng	-	(2.551.026.775)
<b>Cộng</b>	<b><u>10.484.533.557</u></b>	<b><u>8.258.203.299</u></b>

#### 7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	13.748.722.737	(2.057.630.237)	13.396.152.603	(1.981.688.417)
Công cụ, dụng cụ	1.221.340.748	(89.500.000)	1.297.988.122	(89.500.000)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	373.164.722	-	565.057.214	-
Thành phẩm	68.381.814	(911.531)	25.109.386	(911.531)
Hàng hóa	3.698.749	-	203.700	-
<b>Cộng</b>	<b><u>15.415.308.770</u></b>	<b><u>(2.148.041.768)</u></b>	<b><u>15.284.511.025</u></b>	<b><u>(2.072.099.948)</u></b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.072.099.948	2.059.653.552
Trích lập dự phòng bổ sung	75.941.820	12.446.396
<b>Cộng</b>	<b><u>2.148.041.768</u></b>	<b><u>2.072.099.948</u></b>

#### 8. Chi phí trả trước

##### 8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ sản xuất	41.035.835	-
Dụng cụ, đồ dùng hành chính	-	18.784.663
Các chi phí trả trước khác	189.228.571	-
<b>Cộng</b>	<b><u>230.264.406</u></b>	<b><u>18.784.663</u></b>

##### 8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ sản xuất	365.424.110	474.879.724
Dụng cụ, đồ dùng hành chính	109.945.145	57.874.889
Đồng hồ đo nước	6.216.863.116	5.886.602.544
Chi phí sửa chữa	1.599.185.377	710.557.580
Các chi phí trả trước khác	175.502.045	161.585.854
<b>Cộng</b>	<b><u>8.466.919.793</u></b>	<b><u>7.291.500.591</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****9. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc và thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Tài sản cố định khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	129.290.530.170	104.446.520.720	350.347.304.446	741.738.636	1.291.634.545	586.117.728.517
Đầu tư XDCB hoàn thành (*)	111.408.773.767	129.038.485.125	265.277.753.546	-	-	505.725.012.438
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(685.300.000)	-	-	(685.300.000)
Điều chỉnh hợp nhất	(297.428.297)	226.552.997	62.684.263	-	-	(8.191.037)
<b>Số cuối năm</b>	<b>240.401.875.640</b>	<b>233.711.558.842</b>	<b>615.002.442.255</b>	<b>741.738.636</b>	<b>1.291.634.545</b>	<b>1.091.149.249.918</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	14.853.601.424	23.666.427.628	21.540.255.841	514.463.636	146.180.000	60.720.928.529
Chờ thanh lý						
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	77.287.695.092	81.560.667.541	193.206.102.307	591.879.186	901.861.784	353.548.205.910
Khấu hao trong năm	8.931.850.819	14.854.968.786	24.851.675.682	28.409.376	190.909.080	48.857.813.743
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(685.300.000)	-	-	(685.300.000)
Điều chỉnh hợp nhất	-	(79.066.337)	70.875.300	-	-	(8.191.037)
<b>Số cuối năm</b>	<b>86.219.545.911</b>	<b>96.336.569.990</b>	<b>217.443.353.289</b>	<b>620.288.562</b>	<b>1.092.770.864</b>	<b>401.712.528.616</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	52.002.835.078	22.885.853.179	157.141.202.139	149.859.450	389.772.761	232.569.522.607
<b>Số cuối năm</b>	<b>154.182.329.729</b>	<b>137.374.988.852</b>	<b>397.559.088.966</b>	<b>121.450.074</b>	<b>198.863.681</b>	<b>689.436.721.302</b>

*Trong đó:*

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 544.223.144.125 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Khu vực Thái Nguyên – Bắc Kạn và Ngân hàng Thế giới.





## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- (\*) Công ty đã ghi nhận tăng tài sản cố định Dự án Phát triển hệ thống cấp nước Thành phố Thái Nguyên theo nguyên giá tạm tính trên cơ sở chi phí dự án được tập hợp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, số tiền: 494.152.798.385, trích khấu hao từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 và chưa có phê duyệt quyết toán chính thức. Giá trị công trình có thể thay đổi khi phê duyệt quyết toán chính thức.

#### 10. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình phần mềm máy tính

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	553.000.000	(278.815.608)	274.184.392
Đầu tư XDCB hoàn thành (*)	1.271.974.325	-	1.271.974.325
Khấu hao trong năm	-	(278.181.185)	(278.181.185)
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.824.974.325</b>	<b>(556.996.793)</b>	<b>1.267.977.532</b>

- (\*) Xem thuyết minh V.9

#### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào chi phí trả trước trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	501.896.379.259	6.876.714.329	(506.996.986.763)	(164.406.320)	-	1.611.700.505
Dự án Phát triển hệ thống cấp nước thành phố Thái Nguyên	493.775.332.062	1.941.273.148	(494.152.798.385)	(82.879.047)	-	1.480.927.778
Bổ sung cho tuyến ống D450 khu CN Đầm Thụy	1.256.310.586	349.309.816	(1.605.620.402)	-	-	-
Bổ sung cho tuyến ống D300 khu CN Sông công	4.487.530.263	1.368.509.291	(5.856.039.554)	-	-	-
Các hạng mục khác	2.377.206.348	3.217.622.074	(5.382.528.422)	(81.527.273)	-	130.772.727
Sửa chữa lớn tài sản cố định	1.095.329.558	2.429.226.179	-	(1.247.365.406)	(2.214.748.254)	62.442.077
<b>Cộng</b>	<b>502.991.708.817</b>	<b>9.305.940.508</b>	<b>(506.996.986.763)</b>	<b>(1.411.771.726)</b>	<b>(2.214.748.254)</b>	<b>1.674.142.582</b>

#### 12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cầu đường Việt Nam	5.883.091.915	5.421.091.915
Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Thủy Lợi Thái Nguyên	9.998.259.936	8.362.932.242
Liên danh Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Hải Dương - Công ty TNHH Minh Thông - Công ty Cổ phần Bơm Châu Âu	16.297.322.044	27.872.620.580
Liên danh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cầu đường Việt Nam – Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam – CTCP	16.600.574.851	17.092.958.156
Các nhà cung cấp khác	33.709.081.214	45.146.190.995
<b>Cộng</b>	<b>82.488.329.960</b>	<b>103.895.793.888</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Dũng Tân	362.500.000	362.500.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn DANKO	501.404.577	498.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Khu đô thị Thăng Lợi	566.000.000	566.000.000
Công ty TNHH Thiện Hải Thái Nguyên	-	2.087.591.200
Các khách hàng khác	803.985.684	609.190.006
<b>Cộng</b>	<b>2.233.890.261</b>	<b>4.123.281.206</b>

#### 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nội địa	230.278.182	31.809.836	530.830.886	(600.742.655)	129.365.668	809.091
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.722.391.841	-	2.725.276.264	(5.748.433.024)	699.235.081	-
Thuế thu nhập cá nhân	19.341.659	-	378.348.519	(397.690.178)	-	-
Thuế tài nguyên	93.572.170	-	1.376.693.832	(1.357.215.868)	113.824.790	774.656
Phí bảo vệ môi trường	231.108.964	-	3.198.610.836	(3.196.939.187)	232.922.658	142.045
Thuế môn bài	-	-	14.000.000	(14.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	475.300	429.388.000	(429.388.000)	-	475.300
<b>Cộng</b>	<b>4.296.692.816</b>	<b>32.285.136</b>	<b>8.653.148.337</b>	<b>(11.744.408.912)</b>	<b>1.175.348.197</b>	<b>2.201.092</b>

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp nước sạch	5%
- Các hoạt động khác	10%

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Nhóm Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### *Thuế tài nguyên*

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước với giá tính thuế đơn vị tài nguyên và thuế suất căn cứ Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Theo đó:

Loại nước khai thác	Đơn giá tính thuế	Thuế suất
- Nước mặt	3.000 đồng/m <sup>2</sup>	1%
- Nước ngầm	4.000 đồng/m <sup>2</sup>	5%



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### Tiền thuê đất

Nhóm Công ty được miễn tiền thuê đất theo ưu đãi đầu tư đối với các khu đất thuê sau đây:

<u>Vị trí đất</u>	<u>Tiền thuê đất</u>		<u>Thời gian miễn</u>	<u>Số quyết định</u>
	<u>Diện tích thuê (m<sup>2</sup>)</u>	<u>được miễn (VND)</u>		
Khu đất thuê tại thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên	2.881,30	441.876.150	45 năm (từ 01/01/2021 đến 14/01/2066)	Số 1780/QĐ-CTTNG ngày 23/12/2020
Khu đất thuê tại thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên (phường Trung Vương, phường Túc Duyên, phường Tích Lương)	180.064,60	71.148.898.665	Từ 1/1/2021 đến 23/6/2048	Số 1781/QĐ-CTTNG ngày 23/12/2020
Khu đất thuê tại xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên	231,90	4.544.769	Từ tháng 2/2022 đến hết tháng 7/2042	Số 193/QĐ-CTTNG ngày 09/3/2022
Khu đất thuê tại xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	6.153,60	3.015.659.390	41 năm 3 tháng (từ 01/10/2018 đến 30/12/2059)	Số 1492/QĐ-CT ngày 10/10/2018
Khu đất thuê tại xã Trại Cau, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	1.813,00	36.729.210	20 năm 7 tháng (từ tháng 10/2018 đến tháng 4/2039)	Số 1669/QĐ-CT ngày 30/10/2018
Khu đất thuê tại xã Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên	252,00	2.751.840	22 năm 9 tháng (từ tháng 11/2019 đến tháng 7/2042)	Số 1619/QĐ-CT ngày 14/8/2019
Khu đất thuê tại xã Động Đạt, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	1.679,70	319.809.204	24 năm 11 tháng (từ tháng 8/2018 đến tháng 6/2043)	Số 1367/QĐ-CT ngày 13/9/2018
Khu đất thuê tại xã Phúc Trìu, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	74.589,90	10.588.782.204	42 năm 3 tháng (từ tháng 6/2020 đến tháng 8/2062)	Số 805/QĐ-CT ngày 17/6/2020
Khu đất thuê tại phường Châu Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	15.590,30	8.647.764.034	29 năm 9 tháng (từ tháng 01/2021 đến tháng 9/2050)	Số 1792/QĐ-CTTNG ngày 24/12/2020
Khu đất thuê tại phường Lương Châu, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	4.366,60	406.748.790	19 năm 2 tháng (Từ tháng 9/2019 đến tháng 10/2038)	Số 1850/QĐ-CT ngày 20/9/2019
Khu đất thuê tại Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên	461,00	24.473.622	32 năm 2 tháng (Từ tháng 10/2021 đến	Số 1948/QĐ-CTTNG ngày 02/11/2021



## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

<u>Vị trí đất</u>	<u>Diện tích thuê (m<sup>2</sup>)</u>	<u>Tiền thuê đất được miễn (VND)</u>	<u>Thời gian miễn tháng 11/2053)</u>	<u>Số quyết định</u>
Khu đất thuê tại Diềm Thụy, tỉnh Thái Nguyên	3.558,4	1.156.804.124	20 năm 2 tháng (Từ tháng 10/2018 đến tháng 12/2038)	Số 1608/QĐ-CT ngày 26/10/2018

#### **Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp**

Nhóm Công ty được miễn tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với các khu đất sau:

<u>Vị trí đất</u>	<u>Diện tích thuê (m<sup>2</sup>)</u>	<u>Tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp được miễn (VND)</u>	<u>Thời gian miễn</u>	<u>Số quyết định</u>
Các Khu đất thuê tại thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	252.688,60	459.768.800	5 năm (Giai đoạn 2022 đến 2026)	582/QĐ-CCT ngày 10/5/2022
Khu đất thuê tại xã Đồng Hỷ, thị trấn Trại Cau, tỉnh Thái Nguyên	1.813	951.825	5 năm (Giai đoạn 2022 đến 2026)	224/QĐ-CCTKV ngày 07/7/2022
Khu đất thuê tại huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên	3.826,2	11.849.727	5 năm (Giai đoạn 2022 đến 2026)	225/QĐ-CCTKV ngày 07/7/2022
Khu đất thuê tại xã Động Đạt và thị trấn Đu, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	1.679,70	5.300.505	5 năm (Giai đoạn 2022 đến 2026)	689/QĐ-CCTKV ngày 01/7/2022
Khu đất thuê tại phường Châu Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	19.956,90	77.529.785	5 năm (Giai đoạn 2022 đến 2026)	646/QĐ-CCTKV ngày 01/8/2022
Khu đất thuê tại thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	6.153,60	17.248.095	5 năm (Giai đoạn 2022 đến 2026)	647/QĐ-CCTKV ngày 01/8/2022
Khu đất thuê tại xã Hồng Tiến, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	3.558,4	17.246.630	5 năm (Giai đoạn 2022 đến 2026)	704/QĐ-CCTKV ngày 20/10/2022

#### **Các loại thuế khác**

Nhóm Công ty kê khai và nộp theo quy định.

### 15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ Phòng chống thiên tai tỉnh Thái Nguyên	680.333.000	580.333.000
Chi phí lãi vay phải trả	3.486.152.120	152.901.971
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn công trình	3.038.835.105	2.986.953.042
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	591.086.179	889.059.530
<b>Cộng</b>	<b>7.796.406.404</b>	<b>4.609.247.543</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 16. Phải trả khác

##### 16a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>132.340.000</i>	<i>4.714.740.000</i>
Công ty Cổ Phần Tập đoàn Quốc tế Đông Á – Cổ tức phải trả	-	4.592.000.000
Thù lao Hội đồng quản trị	132.340.000	122.740.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>33.276.687.199</i>	<i>29.295.172.650</i>
Tài sản thừa chờ giải quyết	849.122	6.837.540
Kinh phí công đoàn	654.477.684	413.386.167
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	1.624.064	1.636.464
Phải trả về cổ phần hóa - Lãi chậm nộp (*)	16.790.359.018	22.083.446.307
Sở Tài Chính tỉnh Thái Nguyên - Tiền dịch vụ thoát nước	14.939.815.185	6.676.409.610
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	889.562.126	113.456.562
<b>Cộng</b>	<b><u>33.409.027.199</u></b>	<b><u>34.009.912.650</u></b>

(\*) Lãi chậm nộp cổ tức phần vốn Nhà nước đến năm 2023, do chưa được UBND tỉnh Thái Nguyên xem xét chính sách cấp bù hoặc chính sách hỗ trợ từ ngân sách địa phương đối với số lỗ của các Xí nghiệp nước sạch khu vực các huyện mà Nhà nước giao Công ty quản lý (xem Thuyết minh số VII.3).

#### 17. Vay

##### 17a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>21.807.150.000</i>
Công ty Cổ phần Doinco Việt Nam (i)	-	18.000.000.000
Ông Hà Văn Hải (ii)	-	2.856.250.000
Bà Vũ Thị Minh Hương (ii)	-	950.900.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)</i>	<i>36.647.460.207</i>	<i>29.357.333.437</i>
Ngân hàng Phát triển Châu Á ADB	2.668.102.144	5.336.204.272
Ngân hàng Thế giới	1.179.454.072	1.179.454.072
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	1.623.451.822	1.702.010.824
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Khu vực Thái Nguyên - Bắc Kạn	31.176.452.169	21.139.664.269
<b>Cộng</b>	<b><u>36.647.460.207</u></b>	<b><u>51.164.483.437</u></b>

Nhóm Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

(i) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Công ty Cổ phần Doinco Việt Nam để phục vụ hoạt động kinh doanh, lãi suất 0%, thời hạn vay 6 tháng.

(ii) Vay ngắn hạn các cá nhân với thời hạn vay 3 tháng. Khoản vay không có lãi suất, không có tài sản đảm bảo.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tô 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay bên liên quan	Vay ngắn hạn cá nhân	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	21.807.150.000	-	29.357.333.437	51.164.483.437
Số tiền vay phát sinh trong năm	600.000.000	1.000.000.000	-	1.600.000.000
Số kết chuyển từ vay dài hạn	-	-	46.281.426.811	46.281.426.811
Số tiền vay đã trả trong năm (22.407.150.000)	(22.407.150.000)	(1.000.000.000)	(38.991.300.041)	(62.398.450.041)
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>36.647.460.207</b>	<b>36.647.460.207</b>

#### 17b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng Phát triển Châu Á <sup>(i)</sup>	-	2.668.102.144
Ngân hàng Thế giới <sup>(ii)</sup>	6.486.997.411	7.666.451.483
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên <sup>(i)</sup>	2.523.405.178	3.823.405.178
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Khu vực Thái Nguyên – Bắc Kạn <sup>(ii)</sup>	456.540.561.698	476.915.277.770
<b>Cộng</b>	<b>465.550.964.287</b>	<b>491.073.236.575</b>

Nhóm Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) theo Hiệp định vay phụ ký ngày 05 tháng 12 năm 1995, kèm theo Công văn số 6310/BTC-TCDN của Bộ Tài chính ngày 30 tháng 5 năm 2008 cùng với phụ lục sửa đổi hiệp định vay phụ ngày 28 tháng 4 năm 2015, mục đích vay để đầu tư Dự án cấp nước và vệ sinh thành phố Thái Nguyên, số tiền vay 80.043.064.088 VND, thời hạn vay 18 năm (từ năm 2006 đến năm 2024) với mức lãi suất 5%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành của dự án trong tương lai.
- (ii) Khoản vay lại của Bộ Tài chính từ nguồn vốn vay Ngân hàng Thế giới ngày 30 tháng 11 năm 2009, mục đích vay để đầu tư vào dự án Cấp nước thị trấn Đình Cả (huyện Võ Nhai) và thị trấn Đu (huyện Phú Lương), số tiền vay 20.050.719.239 VND, thời hạn vay 17 năm (từ năm 2013 đến năm 2030) với mức lãi suất 3%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành của dự án trong tương lai.
- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 233/19/HĐTD/TN ngày 14/11/2019, mục đích vay để đầu tư hệ thống điện mặt trời hòa lưới Công suất 140,76kWp cho Nhà máy Nước sạch Sông Công, số tiền cho vay tối đa 2.600.000.000 VND. Thời hạn vay 120 tháng với lãi suất 9,1%/năm, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành của dự án trong tương lai;
  - Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 158/21/HĐTN/TN ngày 28/6/2021, mục đích vay để đầu tư vào Dự án tuyến ống cấp nước Khu vực Sông Công II, số tiền cho vay tối đa 8.000.000.000 VND, đã giải ngân 6.500.000.000 VND. Thời hạn vay 60 tháng với lãi suất cố định trong 2 năm đầu, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành của dự án trong tương lai.
- (iv) Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Khu vực Thái Nguyên – Bắc Kạn theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng vay vốn ODA số 07/2013/HDODA-NHPTVN ngày 19/03/2013, mục đích vay để thanh toán các chi phí cho dự án Cấp nước thị xã Sông Công tỉnh Thái Nguyên theo phê duyệt tại Quyết định số 1691/QĐ-UBND ngày 03/8/2012 của UBND tỉnh Thái Nguyên, hạn mức vay không quá 4.205.000 USD, số nợ gốc phải trả 89.297.947.985 VND. Thời hạn cho vay 25 năm (từ năm 2012



## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

đến năm 2036), trong đó 8 năm ân hạn và 17 năm trả nợ gốc, lãi suất 7,44%/năm, phí cho vay lại 0,2% trên số dư nợ, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành của dự án trong tương lai.

- Hiệp định vay phụ số 2961-VIE ngày 09/07/2013, mục đích vay để đầu tư Dự án phát triển hệ thống cấp nước TP Thái Nguyên, hạn mức vay không quá 610.000 USD, thời hạn vay 25 năm, Lãi suất vay bằng lãi suất SOFR áp dụng từ ngày 01/01/2022+ 0,4%/năm, phí niên hạn 0,1%/năm và phí cho vay lại 0,25%/năm trên số dư nợ, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành của dự án trong tương lai.
- Hiệp định vay phụ số 3251-VIE ngày 20/01/2017, mục đích vay để đầu tư thực hiện dự án "Phát triển ngành nước Việt Nam khoản vay 3", hạn mức vay không quá 24.890.000 USD, thời hạn vay 25 năm, Lãi suất vay bằng lãi suất SOFR áp dụng từ ngày 01/01/2022+ 0,5%/năm, phí niên hạn 0,1%/năm và phí cho vay lại 0,25%/năm trên số dư nợ, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành của dự án trong tương lai.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	36.647.460.207	29.357.333.437
Trên 1 năm đến 5 năm	133.372.386.367	132.249.632.352
Trên 5 năm	332.178.577.920	358.823.604.223
<b>Cộng</b>	<b><u>502.198.424.494</u></b>	<b><u>520.430.570.012</u></b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	491.073.236.575	283.826.862.664
Số tiền vay phát sinh trong năm	11.565.237.078	230.091.749.844
Tăng do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối năm	11.754.060.989	15.294.905.636
Số tiền vay đã trả	(2.560.143.544)	(9.091.314.019)
Số kết chuyển sang vay ngắn hạn	(46.281.426.811)	(29.049.084.435)
Tăng khác	-	116.885
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>465.550.964.287</u></b>	<b><u>491.073.236.575</u></b>

#### 18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Khấu hao trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	1.340.145.400	(266.465.000)	-	1.073.680.400
Quỹ phúc lợi	824.296.732	(47.215.210)	-	777.081.522
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	355.580.623	-	(40.654.443)	314.926.180
<b>Cộng</b>	<b><u>2.520.022.755</u></b>	<b><u>(313.680.210)</u></b>	<b><u>(40.654.443)</u></b>	<b><u>2.165.688.102</u></b>

#### 19. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản dự phòng đầu tư vào Công ty TNHH Xây dựng Công trình Nước sạch Thái Nguyên (là "Công ty con"). Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	489.351.562	600.000.000
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	110.648.438	(110.648.438)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>600.000.000</u></b>	<b><u>489.351.562</u></b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20% (năm trước thuế suất là 20%).



## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 20. Vốn chủ sở hữu

##### 20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Vốn khác của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	160.000.000.000	107.705.310.448	26.182.630.337	(68.106.555.805)	225.781.384.980
Ngân sách Nhà nước cấp nguồn vốn Dự án Cấp nước thị xã Sông Công	-	1.500.000.000	-	-	1.500.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	7.496.280.201	7.496.280.201
Trích lập các quỹ	-	-	1.437.575.280	(1.868.866.186)	(431.290.906)
Chia cổ tức	-	-	-	(11.200.000.000)	(11.200.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>160.000.000.000</b>	<b>109.205.310.448</b>	<b>27.620.205.617</b>	<b>(73.679.141.790)</b>	<b>223.146.374.275</b>
Số dư đầu năm nay	160.000.000.000	109.205.310.448	27.620.205.617	(73.679.141.790)	223.146.374.275
Ngân sách Nhà nước cấp nguồn vốn Dự án Cấp nước thị xã Sông Công	-	257.875.000	-	-	257.875.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	(6.207.862.064)	(6.207.862.064)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>160.000.000.000</b>	<b>109.463.185.448</b>	<b>27.620.205.617</b>	<b>(79.887.003.854)</b>	<b>217.196.387.211</b>

(\*) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối bao gồm lỗ lũy kế của các Xí nghiệp nước sạch Trại Cau, Võ Nhai, Phú Lương, Điềm Thụy, số dư tại 31/12/2023 là 93.822.517.729 VND (số lỗ đầu năm là 87.323.570.328 VND), Công ty đang chờ UBND tỉnh Thái Nguyên xem xét chính sách cấp bù hoặc chính sách hỗ trợ từ ngân sách địa phương (xem Thuyết minh VII.5).

##### 20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
UBND tỉnh Thái Nguyên	67.632.000.000	67.632.000.000
Công ty Cổ phần Quốc tế Đông Á Hà Nội	65.600.000.000	65.600.000.000
Ông Nguyễn Quang Mãi	16.075.460.000	16.074.460.000
Các cổ đông khác	10.692.540.000	10.693.540.000
<b>Cộng</b>	<b>160.000.000.000</b>	<b>160.000.000.000</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 20c. *Vốn khác của chủ sở hữu*

Là nguồn vốn hình thành từ các tài sản do Nhà nước giao tiếp nhận bao gồm:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự án cấp nước phía Nam huyện Phổ Yên	9.942.336.640	9.942.336.640
Dự án cấp nước thị xã Sông Công	31.612.479.702	31.354.604.702
Dự án nâng công suất Nhà máy nước Tích Lương	5.831.687.738	5.831.687.738
Dự án Đu Phú Lương, Đình Cả - Võ Nhai	4.596.769.520	4.596.769.520
Dự án Trạm nước sạch Võ Nhai	819.502.415	819.502.415
Dự án Xí nghiệp Điềm Thụy (Vốn Jica)	20.454.000.000	20.454.000.000
Dự án Xí nghiệp Điềm Thụy (Vốn Ngân sách)	6.884.396.670	6.884.396.670
Dự án Xí nghiệp nước sạch Đại Từ	16.238.766.000	16.238.766.000
Dự án Xí nghiệp nước sạch Trại Cau	7.252.547.400	7.252.547.400
Dự án SamSung	4.567.000.000	4.567.000.000
Tài sản tăng từ quỹ đầu tư phát triển	282.986.363	282.986.363
Dự án Tuyến ống HDPE 63 khu dân cư số 3 phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên	980.713.000	980.713.000
<b>Cộng</b>	<b><u>109.463.185.448</u></b>	<b><u>109.205.310.448</u></b>

#### 20d. *Cổ phiếu*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.000.000	16.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	16.000.000	16.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	16.000.000	16.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 21. *Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất*

##### 21a. *Ngoại tệ các loại*

Tại ngày kết thúc năm tài chính, nhóm Công ty không có tiền gốc ngoại tệ (số đầu năm là 132.857,23 USD).

##### 21b. *Nợ khó đòi đã xử lý*

Khoản nợ phải thu tiền nước Công ty Cổ phần Luyện cán thép Gia Sàng với số tiền 34.145.675 VND đã được xóa sổ do công ty này đã phá sản.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán nước sạch	211.381.584.806	173.021.904.440
Doanh thu xây lắp	7.956.139.505	12.997.683.043
Doanh thu bán vật liệu	133.034.400	442.889.035
Doanh thu bán nước tinh khiết	1.539.448.417	1.325.108.950
Doanh thu khác	582.770.375	359.692.836
<b>Cộng</b>	<b><u>221.592.977.503</u></b>	<b><u>188.147.278.304</u></b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con và công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, nhóm Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác.

### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hoạt động bán nước sạch	122.661.549.114	97.440.845.763
Giá vốn của hoạt động xây lắp	6.680.369.519	11.626.923.155
Giá vốn của vật liệu đã bán	77.738.157	431.665.308
Giá vốn bán nước tinh khiết	681.061.754	584.060.787
Giá vốn hoạt động khác	265.026.603	143.437.349
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	75.941.820	12.446.396
<b>Cộng</b>	<b><u>130.441.686.967</u></b>	<b><u>110.239.378.758</u></b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	1.555.443.150
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	27.139.975	19.756.492
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	43.418.976	-
<b>Cộng</b>	<b><u>70.558.951</u></b>	<b><u>1.575.199.642</u></b>

### 4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	37.532.395.934	8.404.541.619
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	615.580.583	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	11.754.060.989	15.185.104.089
Lãi chậm nộp cổ phần hóa	-	2.807.041.201
<b>Cộng</b>	<b><u>49.902.037.506</u></b>	<b><u>26.396.686.909</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	14.066.587.813	13.230.665.889
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	38.460.286	15.882.427
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.036.368	28.036.368
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.552.065	-
Các chi phí khác	6.177.036.306	6.882.936.666
<b>Cộng</b>	<b><u>20.314.672.838</u></b>	<b><u>20.157.521.350</u></b>

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	14.882.867.744	15.093.623.422
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	129.137.463	258.246.365
Chi phí khấu hao tài sản cố định	716.516.616	509.607.612
Thuế, phí và lệ phí	1.711.441.664	1.636.474.350
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	2.226.330.258	(936.364.768)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.132.301	314.935.503
Các chi phí khác	5.324.125.180	5.232.621.143
<b>Cộng</b>	<b><u>25.031.551.226</u></b>	<b><u>22.109.143.627</u></b>

#### 7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	79.639.800	-
Thu nhập khác	6.864.829	10.272.303
<b>Cộng</b>	<b><u>86.504.629</u></b>	<b><u>10.272.303</u></b>

#### 8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	30.358.666	75.512.779
Phạt chậm nộp BHXH	575.322	1.301.554
<b>Cộng</b>	<b><u>30.933.988</u></b>	<b><u>76.814.333</u></b>

#### 9. Lãi trên cổ phiếu

##### 9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	(6.207.862.064)	7.496.280.201
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Trích thưởng Ban quản lý, điều hành	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(6.207.862.064)	7.496.280.201
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	16.000.000	16.000.000
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>(388)</u></b>	<b><u>469</u></b>

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do Công ty không trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước tăng từ 440 VND lên thành 469 VND.



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.641.879.602	30.764.110.613
Chi phí nhân công	72.398.160.623	61.644.550.270
Chi phí khấu hao tài sản cố định	49.095.340.485	30.061.040.699
Chi phí dịch vụ mua ngoài	73.863.592	2.890.937.004
Chi phí khác	22.386.774.237	21.620.316.897
<b>Cộng</b>	<b><u>175.596.018.539</u></b>	<b><u>146.980.955.483</u></b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Nhóm Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.16.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

		<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
<b>Năm nay</b>				
Ông Nguyễn Quang Mãi	Chủ tịch HĐQT	11.200.000	528.000.000	539.200.000
Ông Nguyễn Xuân Học	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	371.442.000	115.200.000	486.642.000
Ông Nguyễn Bá Quyết	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	291.565.000	115.200.000	406.765.000
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	324.197.000	115.200.000	439.397.000
Ông Lê Quang Hải	Thành viên HĐQT	181.000.000	67.200.000	248.200.000
Ông Vũ Khánh Lâm	Trưởng Ban kiểm soát	8.200.000	330.000.000	338.200.000
Bà Hoàng Thị Huệ	Kiểm soát viên	237.959.436	84.480.000	322.439.436
Bà Nguyễn Thị Mai	Kiểm soát viên	8.200.000	184.800.000	193.000.000
Ông Lê Huy Phú	Phó Tổng Giám đốc	357.041.331	-	357.041.331
Ông Nguyễn Minh Phương	Kế toán trưởng	376.700.000	-	376.700.000
<b>Cộng</b>		<b><u>2.167.504.767</u></b>	<b><u>1.540.080.000</u></b>	<b><u>3.707.584.767</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

		<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
<b>Năm trước</b>				
Ông Nguyễn Quang Mãi	Chủ tịch HĐQT	8.700.000	528.000.000	536.700.000
Ông Nguyễn Xuân Học	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	314.784.000	115.200.000	429.984.000
Ông Nguyễn Bá Quyết	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	259.265.000	115.200.000	374.465.000
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	268.735.000	115.200.000	383.935.000
Ông Nông Quốc Bình	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	241.698.000	105.600.000	347.298.000
Ông Vũ Khánh Lâm	Trưởng Ban kiểm soát	8.700.000	330.000.000	338.700.000
Bà Hoàng Thị Huệ	Kiểm soát viên	156.615.243	84.480.000	241.095.243
Bà Nguyễn Thị Mai	Kiểm soát viên	2.000.000	92.400.000	94.400.000
Ông Nguyễn Minh Phương	Kế toán trưởng	338.700.000	-	338.700.000
<b>Cộng</b>		<b>1.599.197.243</b>	<b>1.486.080.000</b>	<b>3.085.277.243</b>

**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Nhóm Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Doinco Việt Nam	Công ty liên kết
UBND tỉnh Thái Nguyên	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Đông Á	Cổ đông lớn
Ông Nguyễn Quang Mãi	Cổ đông lớn

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>UBND tỉnh Thái Nguyên</b>		
Chia cổ tức	-	4.734.240.000
<b>Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Đông Á</b>		
Chia cổ tức	-	4.592.000.000
Vay bên liên quan	-	3.500.000.000
Trả nợ vay bên liên quan	-	3.500.000.000
<b>Ông Nguyễn Quang Mãi</b>		
Chia cổ tức	-	1.125.212.200

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.6, V.14, V.16 và V.18.

**2. Số liệu so sánh****2a. Sai sót**

Trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, chi phí nhân viên các xí nghiệp, chi phí nhân viên bộ phận quản lý, chi phí khấu hao hệ thống tuyến ống, chi phí sửa chữa và lắp đặt đồng hồ nước... (tổng số tiền 20.608.465.158 VND) đã được Công ty trình bày trong chỉ tiêu "Chi phí bán hàng", thay vì phải trình bày tại chỉ tiêu "Giá vốn hàng bán" và "Chi phí quản lý doanh nghiệp".

15-0  
NHÂN  
NG T  
ỆM H  
N VÀ  
& C  
HÀ N  
A - T



## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 2b. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Giá vốn hàng bán	11	71.976.234.165	38.263.144.593	110.239.378.758
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	116.171.044.139	(38.263.144.593)	77.907.899.546
Chi phí bán hàng	25	67.032.404.558	(46.874.883.208)	20.157.521.350
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	13.497.405.012	8.611.738.615	22.109.143.627

#### 3. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 102.181.937.017 VND. Yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của nhóm Công ty.

Tuy nhiên, nhóm Công ty có kế hoạch thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết để thu hồi vốn với giá trị thu hồi vốn cao hơn hoặc bằng giá trị đầu tư ban đầu (*xem thuyết minh V.2*). Đồng thời, công trình Nhà máy nước thuộc dự án “Phát triển hệ thống cấp nước Thành phố Thái Nguyên” đã đi vào hoạt động trong năm 2023 sẽ mang lại nguồn thu để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của nhóm Công ty. Do vậy Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 vẫn được lập dựa trên giả thiết nhóm Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

#### 4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 5. Các Thông tin khác

Theo Công văn số 2004/UBND-KTTH về cơ chế tài chính Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên ngày 22 tháng 11 năm 2010 của UBND tỉnh Thái Nguyên chỉ đạo Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên sau khi tiếp nhận bàn giao, tổ chức theo dõi riêng và có trách nhiệm tổ chức hoạt động kinh doanh, mở rộng mạng lưới tiêu thụ, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Trường hợp lỗ do nguyên nhân khách quan, Công ty báo cáo các sở, ngành chuyên môn của tỉnh căn cứ chính sách quy định, kiểm tra cụ thể thống nhất trình UBND tỉnh xem xét giải quyết. Hằng năm, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh tại các Xí nghiệp Nước sạch do Nhà nước giao Công ty quản lý, UBND tỉnh Thái Nguyên đều có quyết định về việc phê duyệt kết quả kinh doanh tại các Xí nghiệp nước sạch do Nhà nước giao quản lý, quyết toán các khoản kinh phí thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao hàng năm của Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên. Vì vậy, Công ty theo dõi riêng về kết quả kinh doanh của khu vực Cổ phần hoá và khu vực các huyện, chi tiết như sau:

- + Phụ lục số 01: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khu vực cổ phần hoá;
- + Phụ lục số 02: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Xí nghiệp nước Trại Cau;
- + Phụ lục số 03: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Xí nghiệp Nước sạch Đại Từ;
- + Phụ lục số 04: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Xí nghiệp Nước sạch Võ Nhai;
- + Phụ lục số 05: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Trạm nước sạch Phú Lương;
- + Phụ lục số 06: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Xí nghiệp Nước sạch Điềm Thụy.

Lợi nhuận trước thuế để tính thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 không bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các Xí nghiệp Nước sạch Trại Cau, Xí nghiệp Nước sạch Đại Từ, Xí nghiệp Nước sạch Võ Nhai, Trạm Nước sạch Phú Lương và Xí nghiệp Kinh doanh Nước sạch Điềm Thụy (đây là các Xí nghiệp trực thuộc Công ty được UBND tỉnh Thái Nguyên giao nhiệm vụ quản lý và điều hành hoạt động theo các Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên). Theo Công văn số 14588/BTC-TCDN ngày 02/12/2019 của Bộ Tài



